

## PHỤ LỤC ĐH6

### Chương trình đào tạo ngành Công nghệ tài chính (Fintech)

(Quyết định số 601/QĐ-HV ngày 18/08/2020 về việc ban hành Chương trình giáo dục đại học ngành Công nghệ tài chính (Fintech) - trình độ đại học hệ chính quy)

#### 1. ĐIỀU KIỆN TUYỂN SINH

##### a) Quy định chung:

- Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp (trong đó, người tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành) hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam (sau đây gọi chung là tốt nghiệp THPT);

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

##### b) Đối với phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT năm 2021:

Ngoài các yêu cầu theo quy định chung ở mục a) thì thí sinh phải tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021 với các bài thi/môn thi theo tổ hợp bài thi/môn thi tương ứng các ngành của Học viện.

##### c) Đối với phương thức xét tuyển kết hợp thi ngoài các yêu cầu theo quy định chung ở mục a) thì thí sinh cần có thêm một trong các điều kiện sau đây:

- Thí sinh có Chứng chỉ quốc tế SAT từ 1130/1600 trở lên hoặc ACT từ 25/36 trở lên và có kết quả điểm trung bình chung học tập lớp 10, 11, 12 (hoặc học kỳ 1 lớp 12) đạt từ 7,5 trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên;

- Thí sinh có Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế trong thời hạn (tính đến ngày xét tuyển) đạt IELTS 5.5 trở lên hoặc TOEFL iBT 65 trở lên hoặc TOEFL ITP 513 trở lên và có kết quả điểm trung bình chung học tập lớp 10, 11, 12 (hoặc học kỳ 1 lớp 12) đạt từ 7,5 trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên;

- Thí sinh đạt giải Khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia hoặc đã tham gia kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia hoặc đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương (TW) các môn Toán, Lý, Hóa, Tin học và có kết quả điểm chung bình chung học tập lớp 10, 11, 12 (hoặc học kỳ 1 lớp 12) đạt từ 7,5 trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên;

- Là học sinh chuyên các môn Toán, Lý, Hóa, Tin học của trường THPT chuyên trên phạm vi toàn quốc (các trường THPT chuyên thuộc Tỉnh, Thành phố trực thuộc TW và các trường THPT chuyên thuộc Cơ sở giáo dục đại học) hoặc hệ/lớp chuyên môn Toán, Lý, Hóa, Tin học của các trường THPT trọng điểm quốc gia; và có kết quả điểm trung bình

chung học tập lớp 10, 11, 12 (hoặc học kỳ 1 lớp 12) đạt từ 8,0 trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên (Như danh sách các trường THPT chuyên kèm theo).

*Ghi chú: Đối với các thí sinh nếu chưa có điểm trung bình chung học tập lớp 12 có thể sử dụng điểm trung bình chung học tập học kỳ 1 lớp 12.*

## **2. MỤC TIÊU, KIẾN THỨC, KỸ NĂNG, TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ ĐẠT ĐƯỢC**

### **2.1 Mục tiêu**

Công nghệ tài chính (FINTECH) là một ngành đào tạo lai ghép giữa công nghệ và tài chính. Fintech là thuật ngữ mô tả sự đổi mới và hiệu quả nhờ công nghệ trong lĩnh vực tài chính. Các hoạt động Fintech hiện nay gắn liền với sự ra đời và ứng dụng của công nghệ Blockchain, phân tích dữ liệu lớn, trực quan hóa dữ liệu, trí tuệ nhân tạo. Những công cụ này đã và đang đóng vai trò là chất xúc tác tạo đổi mới đáng kể trong ngành dịch vụ tài chính. Để hiểu về fintech, người học phải nắm bắt được sự đổi, quản lý dữ liệu, trực quan hóa, Blockchain, trí tuệ nhân tạo và các mô hình kinh doanh trực tuyến.

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ tài chính của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông được thiết kế để đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực trình độ cử nhân ngành Công nghệ tài chính trong bối cảnh hội nhập quốc tế và phát triển của nền kinh tế số; sinh viên tốt nghiệp chương trình có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt; có kiến thức cơ bản và chuyên môn về tài chính ngân hàng, công nghệ thông tin và công nghệ tài chính; Phát triển năng lực sáng tạo, khả năng sử dụng ngoại ngữ trong các hoạt động về chuyên môn hoặc các vấn đề xã hội thông thường. Thông qua chương trình đào tạo, sinh viên sẽ khám phá các lý thuyết về tài chính và ứng dụng của chúng cũng như các công nghệ như blockchain, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo có thể tạo đổi mới trong các hoạt động tài chính.

### **2.2 Kiến thức**

(1) Nắm vững các kiến thức đại cương về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, và vận dụng các kiến thức này trong học tập, nghiên cứu và thực hiện các hoạt động nghề nghiệp;

(2) Nắm vững các kiến thức cơ sở ngành kinh tế, kinh doanh, quản trị, kế toán như: kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, tài chính tiền tệ, nguyên lý kế toán, marketing căn bản và vận dụng các kiến thức này trong hoạt động nghề nghiệp;

(3) Nắm vững và vận dụng các kiến thức về tài chính, ngân hàng như: hệ thống tài chính, nghiệp vụ ngân hàng, thanh toán quốc tế, tài chính doanh nghiệp, phân tích tài chính, đầu tư tài chính, quản trị rủi ro tài chính;

(4) Nắm vững kiến thức nền tảng cơ bản về công nghệ thông tin: lập trình máy tính, khoa học dữ liệu và quản trị cơ sở dữ liệu, Phân tích thiết kế hệ thống thông tin quản lý, phát triển các hệ thống thương mại điện tử...

(5) Nắm vững và vận dụng kiến thức nền tảng cơ bản về công nghệ tài chính: Công nghệ tài chính căn bản, Quản lý và ứng dụng cơ sở dữ liệu trong tài chính, phân tích dữ liệu tài chính quy mô lớn, Tiền số và công nghệ Blockchain, trí tuệ nhân tạo, đổi mới sáng tạo tài chính.

(6) Có kiến thức về pháp luật trong kinh doanh, kiến thức về thông kê toán và kinh tế lượng ứng dụng trong tài chính.

### **2.3 Kỹ năng**

(7) Kỹ năng ghi nhận các giao dịch kinh tế - tài chính phát sinh; Kỹ năng phân tích báo cáo tài chính theo yêu cầu cung cấp thông tin và tư vấn cho nhà quản lý;

(8) Kỹ năng nghiệp vụ liên quan đến hoạt động tín dụng, ngoại hối và thanh toán quốc tế;

(9) Kỹ năng sử dụng các công cụ tài chính để quản lý tài chính, quản lý rủi ro tài chính, quản lý các hoạt động đầu tư, kinh doanh trong các doanh nghiệp và các tổ chức tài chính;

(10) Kỹ năng thu thập, phân tích tìm hiểu và tổng hợp các yêu cầu từ đối tượng sử dụng sản phẩm phần mềm để phục vụ công tác thiết kế;

(11) Kỹ năng thiết kế, triển khai thực hiện và quản lý các dự án phần mềm có qui mô vừa và nhỏ, đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật trong điều kiện thực tế;

(12) Kỹ năng phân tích và mô hình hóa quá trình và dữ liệu trong các tổ chức, khả năng xác định và cụ thể hóa các giải pháp kỹ thuật, khả năng quản trị dự án;

(13) Kỹ năng vận dụng các khái niệm về hệ thống thông tin để đánh giá, giải quyết các vấn đề xuất hiện trong hệ thống thông tin tài chính;

(14) Kỹ năng phân tích và quản lý dữ liệu tài chính, sử dụng các phần mềm/ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của định chế tài chính, thị trường tài chính và doanh nghiệp.

### **2.4 Kỹ năng mềm**

(15) Kỹ năng giao tiếp: giao tiếp và thuyết trình tốt thể hiện qua việc trình bày rõ ràng, tự tin và thuyết phục các vấn đề liên quan đến chuyên môn và các vấn đề kinh tế xã hội;

(16) Kỹ năng làm việc nhóm: biết thành lập và tổ chức tốt công việc theo nhóm;

(17) Có các kỹ năng cá nhân và phẩm chất nghề nghiệp trong việc giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, lập kế hoạch và tổ chức công việc.

### **2.5 Ngoại ngữ (Tiếng Anh)**

(18) Đạt trình độ tiếng Anh 450 điểm TOEIC quốc tế;;

(19) Có khả năng sử dụng tiếng Anh phục vụ học tập, nghiên cứu, hoà nhập nhanh với cộng đồng công nghệ thông tin khu vực và quốc tế sau khi ra trường;

## **3. CÁC CHÍNH SÁCH, HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ HỌC TẬP, SINH HOẠT CHO NGƯỜI HỌC**

- Người học được cấp email riêng, cấp tài khoản để sử dụng phần mềm quản lý đào tạo trực tuyến để quản lý và theo dõi quá trình học tập của mình, tự tra cứu tiến độ kế hoạch học tập, kinh phí, học phí, kết quả học tập của cá nhân.
- Bên cạnh các hoạt động nằm trong chương trình đào tạo, sinh viên còn được đào tạo các kỹ năng mềm như kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tạo lập

văn bản tiếng Việt. Đặc biệt, sinh viên còn được tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, các câu lạc bộ do Học viện tổ chức.

- Chế độ, chính sách đối với sinh viên được thực hiện trên tinh thần công khai, công bằng và đúng quy định. Tổ chức xét khen thưởng, kỷ luật được tiến hành thường xuyên và đúng quy chế.

#### 4. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

**KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 133 tín chỉ** (không bao gồm Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và Kỹ năng mềm)

##### NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

##### 4.1 Cấu trúc chương trình:

STT	Khối kiến thức	Tín chỉ
1	Kiến thức giáo dục đại cương	43
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, trong đó: - Kiến thức cơ sở ngành - Kiến thức chuyên ngành	80 44 36
3	Thực tập và Tốt nghiệp	10
	<b>CỘNG</b>	<b>133</b>

##### 4.2 Nội dung chương trình

##### 4.2.1 Khối kiến thức chung

TT	Tên học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Lên lớp		Thí nghiệm / Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết (tiết)	Chữa bài tập /Thảo luận (tiết)			
1	Triết học Mác-Lênin	BAS1150	3					
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	BAS1151	2					
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	BAS1152	2					
4	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	BAS1153	2					
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	BAS1122	2	24	6			
6	Tiếng Anh (Course 1)*	BAS1157	4					
7	Tiếng Anh (Course 2)	BAS1158	4					
8	Tiếng Anh (Course 3)	BAS1159	4					
9	Tiếng Anh (Course 3 Plus)	BAS1160	2					
10	Tin học cơ sở 1	INT1154	2	20	4	4	2	

TT	Tên học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Lên lớp		Thí nghiệm /Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết (tiết)	Chữa bài tập /Thảo luận (tiết)			
11	Tin học cơ sở 3	INT1156	2	20	4	4	2	
12	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	SKD1108	2	18	6		6	
	<b>Tổng:</b>		<b>31</b>					
<b>Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng</b>								
1	Giáo dục thể chất 1	BAS1106	2	2		26	2	
2	Giáo dục thể chất 2	BAS1107	2	2		26	2	
3	Giáo dục Quốc phòng	BAS1105	7,5					
<b>Kiến thức các môn kỹ năng (chọn 3/7)</b>								
1	Kỹ năng thuyết trình	SKD1101	1	6	8		1	
2	Kỹ năng làm việc nhóm	SKD1102	1	6	8		1	
3	Kỹ năng tạo lập Văn bản	SKD1103	1	6	8		1	
4	Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc	SKD1104	1	6	8		1	
5	Kỹ năng giao tiếp	SKD1105	1	6	8		1	
6	Kỹ năng giải quyết vấn đề	SKD1106	1	6	8		1	
7	Kỹ năng tư duy sáng tạo	SKD1107	1	6	8		1	

(\*): Điều kiện để đăng ký học phần tiếng Anh Course 1 trong chương trình là sinh viên phải đạt trình độ tiếng Anh từ 225 điểm theo bài thi TOEIC Placement Test trở lên; các thí sinh chưa đạt mức điểm trên sẽ phải hoàn thành học phần tiếng Anh bổ trợ Course 0 (mã BAS 1156)

#### 4.2.2. Kiến thức cơ bản nhóm ngành

TT	Tên học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Lên lớp		Thí nghiệm /Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết (tiết)	Chữa bài tập /Thảo luận (tiết)			
13	Toán cao cấp 1	BAS1219	2	24	6			
14	Toán cao cấp 2	BAS1220	2	24	6			
15	Toán kinh tế	BSA1241	3	36	8		1	
16	Lý thuyết xác suất và thống kê	BAS1210	3	36	8		1	

TT	Tên học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Lên lớp		Thí nghiệm /Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết (tiết)	Chữa bài tập /Thảo luận (tiết)			
17	Pháp luật đại cương	BSA1221	2	24	6			
	<b>Tổng:</b>		<b>12</b>					

## 4.2.3 Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

### 4.2.3.1. Kiến thức cơ sở ngành

TT	Tên học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Lên lớp		Thí nghiệm /Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết (tiết)	Chữa bài tập /Thảo luận (tiết)			
18	Kinh tế vi mô 1	BSA1310	3	36	8		1	
19	Kinh tế vĩ mô 1	BSA1311	3	36	8		1	
20	Luật kinh doanh	BSA1314	2	24	6			
21	Tài chính tiền tệ	FIA1326	3	36	8		1	
22	Nguyên lý kế toán	FIA1321	3	36	8		1	
23	Kế toán quản trị	FIA1332	3	36	8		1	
24	Marketing căn bản	MAR1322	3	36	8		1	
25	Quản trị tài chính doanh nghiệp	FIA1324	3	36	8		1	
26	Cơ sở dữ liệu (Fintech)	INT13128	3	36		8	1	
27	Lập trình Python (Fintech)	INT13129	3	36		8	1	
28	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin quản lý (Fintech)	INT13132	3	36		8	1	
29	Lập trình web (Fintech)	INT13130	3	36		8	1	
30	Phát triển các hệ thống thương mại điện tử (Fintech)	INT13134	3	36		8	1	
<b>Học phần lựa chọn * (chọn 3 trong 8 học phần: 6 TC)</b>								
31	Phân tích hoạt động kinh doanh	BSA1320	2	24	6			
32	Thương mại điện tử	MAR1323	2	24	6			
33	Quản trị bán hàng	MAR1329	2	24	6			
34	E-marketing	MAR1427	2	24	6			
35	Thanh toán quốc tế	FIA1327	2	24	6			

TT	Tên học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Lên lớp		Thí nghiệm /Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết (tiết)	Chữa bài tập /Thảo luận (tiết)			
36	Kế toán tài chính doanh nghiệp	FIA1444	2	24	6			
37	Kiểm toán căn bản (Fintech)	FIA1363	2	24	6			
38	Quản trị công nghệ	BSA1326	2	24	6			
	<b>Tổng:</b>		<b>44</b>					

#### 4.2.3.2. Kiến thức chuyên ngành

TT	Tên học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Lên lớp		Thí nghiệm /Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết (tiết)	Chữa bài tập /Thảo luận (tiết)			
39	Tiền số và công nghệ Blockchain	INT14135	3	36		8	1	
40	Trí tuệ nhân tạo (Fintech)	INT14136	3	36		8	1	
41	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	FIA1464	3	36	8		1	
42	Đầu tư tài chính	FIA1465	3	36	8		1	
43	Quản trị rủi ro tài chính	FIA1466	3	36	8		1	
44	Kinh tế lượng tài chính	FIA1467	3	36	8		1	
45	Phân tích tài chính doanh nghiệp	FIA1468	3	36	8		1	
46	Công nghệ tài chính căn bản	FIA1469	3	36	8		1	
47	Quản lý và ứng dụng cơ sở dữ liệu trong tài chính	FIA1470	3	36	8		1	
48	Phân tích dữ liệu tài chính quy mô lớn	FIA1471	3	36	8		1	
<b>Học phần lựa chọn ** (chọn 2 trong 6 học phần: 6TC)</b>								
49	Phát triển ứng dụng trên di động	INT14137	3	36		8	1	
50	Phát triển ứng dụng tài chính trên Python	INT13133	3	36		8	1	
51	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu (Fintech)	INT13131	3	36		8	1	
52	An toàn bảo mật thông tin (Fintech)	INT14138	3	36		8	1	
53	Đổi mới sáng tạo tài chính	FIA1472	3	36	8		1	
54	Tài chính quốc tế	FIA1473	3	36	8		1	
	<b>Tổng :</b>		<b>36</b>					

4.2.3.3. *Thực tập tốt nghiệp (4 TC) và Khóa luận tốt nghiệp (6 TC) hoặc học phân thay thế tốt nghiệp*

## **5. KHẢ NĂNG HỌC TẬP, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI RA TRƯỜNG**

Có thể tiếp tục học tiếp lên trình độ sau đại học tại các cơ sở giáo dục đại học trong nước và nước ngoài.

## **6. VỊ TRÍ LÀM VIỆC SAU KHI TỐT NGHIỆP**

Sau khi tốt nghiệp ngành Công nghệ tài chính, sinh viên có đủ năng lực để đảm nhận các vị trí công việc ở các nhóm sau:

**Nhóm 1:** Các bộ phận quản lý hệ thống thông tin, quản trị phân tích dữ liệu, quản trị và phân tích rủi ro, quản lý dự án công nghệ tại các định chế tài chính; bộ phận phát triển công nghệ tài chính, phát triển sản phẩm dịch vụ tài chính tại các định chế tài chính (ngân hàng, công ty tài chính, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán).

**Nhóm 2:** Bộ phận công nghệ thông tin, quản lý phát triển kinh tế số tại một số cơ quan nhà nước như: Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ.

**Nhóm 3:** Bộ phận phát triển sản phẩm và kinh doanh tại Tập đoàn, Công ty công nghệ; bộ phận phân tích tại Tập đoàn, Công ty bán lẻ, Thương mại điện tử, Dịch vụ công.

**Nhóm 4:** Bộ phận phát triển sản phẩm và dịch vụ tại công ty khởi nghiệp Fintech hoặc tự tạo lập doanh nghiệp khởi nghiệp fintech riêng cho bản thân.

**Nhóm 5:** Các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu về tài chính, ngân hàng và công nghệ thông tin trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, chứng khoán.